

T, ngày 29 tháng 11 năm 2021

Số: 112/2021/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ trụ sở: Số xxx N, phường T, quận H, H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị D – Chuyên viên tổ tụng (Văn bản ủy quyền số 3414/UQ-PVB ngày 22/02/2021 của Ngân hàng TMCP Đ.)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang A, năm 1973 và chị Vương Tổ A, sinh năm 1983

HKTT: Bxxx, tổ xxx, TT T, phường Ô, quận Đ, TP. H

Nơi ở hiện tại: Số nhà xxx, nhà Txxx, tập thể Zxxx, xã T, huyện T, TP. H

Chị Vương Tổ A ủy quyền cho anh Nguyễn Quanh A.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1948

Địa chỉ: Số nhà xxx, nhà Txxx, tập thể Zxxx, xã T, huyện T, TP. H

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ do bà Lê Thị D là người đại diện theo ủy quyền, bị đơn là anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tổ A do anh Nguyễn Quang A là người đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang T thống nhất xác nhận:

Anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tổ A còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 19/11/2021, tổng số tiền theo Hợp đồng cho vay số 410/2018/HĐTD/PNB-HN ngày 13/12/2018 và Hợp đồng thế tín dụng ngày 24/12/2018 là: 245.142.246 đồng. Trong đó, nợ gốc là 205.225.379 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.622.483 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.942.840 đồng, nợ thế tín dụng là 7.351.544 đồng.

2.2/ Phương thức thanh toán: Anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tổ A có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền 245.142.246 đồng chậm nhất vào ngày 28/02/2022.

2.3/ Kể từ ngày 20/11/2021, anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tổ A vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 410/2018/HĐTD/PNB-HN ngày 13/12/2018 và Hợp đồng thế tín dụng ngày 24/12/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc này.

2.4/ Trường hợp, anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tổ A vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 18,5m² tại địa chỉ số xxx, nhà Txxx, khu TT Zxxx, xã T, huyện T, H (Địa chỉ thực tế do người dân tự đánh số nhà Số nhà xxx, nhà Txxx, tập thể Zxxx, xã T, huyện T, TP. H), Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 012323, Hồ sơ gốc

số 128/00271/2008/QĐ-UB do UBND huyện T, H cấp ngày 28/8/2008 cho ông Nguyễn Quang T. Ngày 27/11/2018, Văn phòng đăng ký đất đai H – Chi nhánh huyện T chứng nhận tặng cho ông Nguyễn Quang A theo Hợp đồng tặng cho được Văn phòng công chứng Q chứng nhận tại số công chứng 4195/2018/HĐTC, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/11/2018. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với tài sản thế chấp nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp và đều bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng cho vay và Hợp đồng thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ để thu hồi toàn bộ khoản vay.

Trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tố A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiếp tục xác minh điều kiện thi hành án thuộc quyền sở hữu/sử dụng hợp pháp của anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tố A để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Nếu phát mại tài sản thế chấp số tiền thu về lớn hơn tổng dư nợ phải trả thì số tiền chênh lệch phải được trả lại cho chủ sở hữu, chủ sử dụng.

2.5/ Về án phí: Anh Nguyễn Quang A và chị Vương Tố A phải nộp **6.128.000** đồng (*Sáu triệu, một trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Đ **6.330.000** đồng (*Sáu triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2020/0062041 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Huyền Thu

